

CÔNG TY TNHH MTV XNK NÔNG LÂM HẢI SẢN

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CUNG CẤP VẢI ĐỒNG PHỤC**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8/2021



HỒ SƠ YÊU CẦU
GÓI THẦU: CUNG CẤP VẢI ĐỒNG PHỤC

THUỘC DỰ ÁN MUA SẴM:
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM HẢI SẢN

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Nguyễn Thị Bích Giang

Ngày 05 tháng 8 năm 2021

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XNK

NÔNG LÂM HẢI SẢN

GIAM ĐỐC.



Hà Quốc Cường

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8/2021

MỤC LỤC

Nội dung Mục lục	Trang
Các từ viết tắt	4
Phần I. Yêu cầu về thủ tục	5
Chương I. Chỉ dẫn đối với nhà thầu	5
A. Tổng quát	5
B. Chuẩn bị hồ sơ đề xuất.....	6
C. Nộp hồ sơ đề xuất	7
D. Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất.....	7
E. Trúng thầu	8
Chương II. Bảng dữ liệu	9
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá và nội dung xác định giá đánh giá	11
Chương IV. Mẫu chào giá	13
Chương V. Yêu cầu về mặt chất lượng – màu sắc – kích thước	14

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
TCDG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Incoterms	Quy tắc chính thức của Phòng Thương mại quốc tế giải thích các điều kiện thương mại
Giá CIF, CIP, EXW...	Giá của hàng hóa được xác định dựa trên điều kiện giao hàng tương ứng theo giải thích của Incoterms
Nghị định 63/2014/CP	Nghị định 63/2014/CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đô-la mỹ

Phần I

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC

Chương I

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung

1. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia cung cấp vải đồng phục cho gói thầu cung cấp vải đồng phục cho toàn Công ty năm 2021 theo hình thức chào hàng cạnh tranh. Tên gói thầu và nội dung cung cấp chủ yếu được mô tả trong **BDL**.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng được quy định trong **BDL**.

Mục 2. Nguồn vốn

Nguồn vốn để thực hiện gói thầu được quy định trong **BDL**.

Mục 3. Điều kiện tham gia

1. Đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu nêu trong thông báo mời thầu.

Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa

1. Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo những yêu cầu khác nêu tại **BDL**.

2. Xuất xứ của hàng hóa được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ, mẫu mã, chất lượng, màu sắc, kích thước, chất liệu phải đảm như đã thỏa thuận.

Mục 5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan của nhà thầu đến quá trình tham gia, kể từ khi nhận HSYC cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Mục 6. HSYC và giải thích làm rõ HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSYC để chuẩn bị HSDX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSYC thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ và thời gian ghi trong **BDL** (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSYC theo thời gian quy định trong **BDL**, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSYC.

Mục 7. Sửa đổi HSYC

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc điều chỉnh yêu cầu nào đó, bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSYC (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDX nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSYC tới tất cả các nhà thầu nhận HSYC trước thời điểm đóng thầu theo thời gian được quy định trong **BDL**. Tài liệu này là một phần của HSYC. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó bằng cách gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 8. Ngôn ngữ sử dụng

HSĐX cũng như tất cả văn bản và tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu phải được viết bằng ngôn ngữ như quy định trong **BDL**.

Mục 9. Nội dung HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 12 Chương này;
2. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa theo quy định tại Mục 15 Chương này;

Mục 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSYC thì thực hiện theo quy định tại **BDL**.

Mục 11. Đơn dự thầu

Mục 12. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSĐX sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về cung cấp nêu tại Phần II của HSYC này.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSĐX thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu hoặc phải có bảng kê thành phần HSĐX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong biểu giá.

3. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định trong **BDL** thì nhà thầu có thể chào cho một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu cần chào đủ các hạng mục trong một hoặc nhiều phần của gói thầu mà mình tham dự.

4. Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục hàng hóa và tổng giá dự thầu (lập theo Mẫu số 5 Chương IV). Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào theo quy định trong **BDL**.

Mục 13. Đồng tiền dự thầu

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong **BDL**.

Mục 14. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các tài liệu khác được quy định trong **BDL**.

Mục 15. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa

1. Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa (theo quy định tại Mục 4 Chương này), ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.

2. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu theo quy định trong **BDL** để chứng minh hàng hóa được cung cấp là phù hợp (đáp ứng) yêu cầu của HSYC.

Mục 16. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

Mục 17. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc được quy định trong **BDL**. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của HSDX..
2. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 18. Quy cách HSDX

1. HSDX bao gồm các nội dung nêu tại Mục 9 Chương này. Cách trình bày các thông tin trên HSDX được quy định trong **BDL**.
2. Trong trường hợp HSDX gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDX của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDX, tránh thất lạc, mất mát. Trường hợp có thể, nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDX vào cùng một túi..

Mục 19. Thời hạn nộp HSDX

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi bưu điện hoặc fax đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong **BDL**.

Mục 20. HSDX nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDX kể cả thư giảm giá (nếu có) mà bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và không được gửi trả lại cho nhà thầu.

Mục 21. Sửa đổi hoặc rút HSDX

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDX đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút HSDX phải được gửi riêng biệt với HSDX.

D. MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 22. Mở hồ sơ đề xuất

1. Việc mở hồ sơ đề xuất được tiến hành sau thời điểm đóng thầu theo thời gian và địa điểm quy định trong **BDL**.
2. Việc mở HSDX của nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:
Đọc và ghi vào biên bản các thông tin chủ yếu:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Thư giảm giá (nếu có);
- Văn bản đề nghị sửa đổi HSDX (nếu có) theo quy định tại Mục 22 Chương này;
- Các thông tin khác có liên quan.

Mục 23. Làm rõ HSDX

Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ và được thực hiện dưới hình thức trao đổi

trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không trả lời hoặc bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật để xem xét, xử lý.

Việc làm rõ HSDX không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

Mục 24. Đánh giá sơ bộ HSDX

1. Kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDX, gồm:

- a) Tính hợp lệ, sự đáp ứng của hàng hóa nêu tại Mục 4 và Mục 15 Chương này;
- b) Biểu giá chào theo quy định tại Mục 12 Chương này;
- c) Các yêu cầu khác được quy định trong BDL.

2. HSDX của nhà thầu không đáp ứng một trong những điều kiện tiên quyết nêu trong BDL thì bị loại và không được xem xét tiếp.

Mục 25. Đánh giá về mặt chất lượng

Bên mời thầu tiến hành đánh giá về mặt chất lượng các HSDX đã vượt qua đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSYC và TCDG nêu tại Mục 2 Chương III. HSDX đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật được đánh giá đề xuất tài chính

Mục 26. Đánh giá đề xuất tài chính

Bên mời thầu xác định giá dự thầu;

Mục 27. Tiếp xúc với bên mời thầu

Trừ trường hợp được yêu cầu làm rõ HSDX theo quy định tại Mục 24 Chương này, không nhà thầu nào được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình cũng như liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian kể từ thời điểm mở thầu đến khi thông báo kết quả đấu thầu.

E. TRÚNG THẦU

Mục 28. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Mục 1 Chương III;
3. Đúng với vài mẫu đã cung cấp theo HSYC.
4. Có giá dự thầu thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 29. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDX

Bên mời thầu được quyền chấp nhận hoặc loại bỏ bất kỳ HSDX vào bất kỳ thời điểm nào trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Không nhận hồ sơ mà không có vài mẫu đính kèm.

Mục 30. Thông báo kết quả

1. Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo nhà thầu tham dự thầu.

2. Bên mời thầu gửi thông báo trúng thầu bằng văn bản tới nhà thầu được chọn và kế hoạch thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ những vấn đề cần trao đổi khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 31. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng căn cứ theo các nội dung sau:

- Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;
- Các yêu cầu nêu trong HSYC;
- Các nội dung nêu trong HSDX và giải thích làm rõ HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo được trúng thầu, nhà thầu phải gửi cho bên mời thầu thư chấp thuận vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDX trên nguyên tắc đảm bảo giá ký hợp đồng không vượt giá được duyệt. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, phương án thay thế (nếu có yêu cầu), chi tiết hoá các nội dung còn chưa cụ thể...

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành ký hợp đồng.

Chương II BẢNG DỮ LIỆU

Bảng dữ liệu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Mục tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

TT	Nội dung
1.	<ul style="list-style-type: none">- Tên gói thầu: Cung cấp vải đồng phục.- Nội dung gói thầu : Vải đồng phục.- Vải áo chất liệu vải Cotton và Polyeste nền trắng sọc xanh dương nhạt (mẫu đính kèm)- Vải quần chất liệu vải Cashemer màu xanh đen (mẫu đính kèm)- Chất lượng vải phải đúng về số lượng, màu sắc, chất liệu, kích thước.- Số lượng vải áo: 181 cái- Số lượng vải quần: 158 cái

2.	Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 14 ngày, sau khi ký hợp đồng.
3.	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn tự có
4.	Yêu cầu khác về tính hợp lệ của hàng hóa: Giống mẫu
5.	<p>- Địa chỉ bên mời thầu: Công ty TNHH MTV XNK NÔNG LÂM HẢI SẢN Địa chỉ : 356/21 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh Điện thoại: (84.28) 35515209 Fax: (84.28) 35515210</p> <p>- Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích làm rõ HSYC không muộn hơn 02 ngày trước thời điểm đóng thầu.</p>
6.	Tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có) sẽ được bên mời thầu gửi đến nhà thầu nhận HSYC trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 02 ngày.
7.	Ngôn ngữ sử dụng: tiếng Việt
8.	Thay đổi tư cách tham dự thầu: Nhà thầu chỉ cần gửi văn bản thông báo về việc thay đổi tư cách tham gia đến bên mời thầu với điều kiện bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu.
9.	Các phần của gói thầu: Gói thầu không chia thành nhiều phần
10.	<p>Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê đầy đủ các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật; - Chào đầy đủ các chi phí cho vận chuyển và chi phí khác có liên quan đến vận chuyển; - Chào đầy đủ các chi phí kèm theo để thực hiện gói thầu. - Quy ra đơn giá đồng/mét (khổ vải 1m6)
11.	Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND)
12.	<p>Tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa:</p> <p>a) Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương V.</p> <p>b) Biểu tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu nêu tại Chương VI.</p> <p>c) Tài liệu về mặt chất lượng tiêu chuẩn hàng hóa, tính năng, giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối;</p>
13.	Số lượng HSDX phải nộp: 01 bản
14.	<p>Cách trình bày các thông tin trên HSDX: _____</p> <p>Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên HSDX:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu: _____ - Địa chỉ nộp HSDX (tên, địa chỉ của bên mời thầu): _____ - Tên gói thầu: _____ <p>Trường hợp sửa đổi HSDX, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ đề xuất sửa đổi "</p>
15.	Thời điểm đóng thầu: 16 giờ 30, ngày 19 tháng 8 năm 2021
16.	Việc mở thầu sẽ được tiến hành vào lúc 09 giờ 30 giờ, ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại văn phòng Công ty, số 356/21 Bạch Đằng, P. 14, Bình Thạnh, HCM.
17.	h) Các yêu cầu khác: không
18.	HSDX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ nếu không đáp ứng được một trong các điều kiện tiên quyết sau:

	<p>a) Hiệu lực của HSDX không bảo đảm yêu cầu theo quy định trong HSYC;</p> <p>b) HSDX có tổng giá dự thầu không cố định, chào thầu theo nhiều mức giá hoặc giá có kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư;</p> <p>c) Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Đấu thầu;</p>
19.	Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận và thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Chương III

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH Một thành viên XNK Nông Lâm Hải sản.
2. Tên bên mời thầu là Công ty TNHH Một thành viên XNK Nông Lâm Hải sản.
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu **“Cung cấp vải đồng phục”**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: trọn gói.
5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 14 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và Mẫu chào giá (trang 15) Chương IV, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm **01 bản** bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu 03a (1) Chương III;
3. Các nội dung khác.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản, địa chỉ : 356/21 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại 028.35.515.209 fax: 028.355.15210

Không muộn hơn 16 giờ 30, ngày 19 tháng 8 năm 2021. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện và được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 07 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo

quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương IV
MẪU CHÀO GIÁ
CUNG CẤP VẢI ĐỒNG PHỤC

Người liên hệ :
Công ty :
Địa chỉ :
Phone :
Fax :

PHẦN A: HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ GIÁ

Hàng hóa:

1. Mô tả, số lượng, đơn giá:

Mô tả	Đặc tính sản phẩm	Khổ vải	Đơn giá (đồng/mét)	Ghi chú
Vải áo (theo mẫu)	- Vải áo chất liệu Cotton và Polyeste nền trắng sọc xanh dương nhạt (theo mẫu) - Chất lượng vải phải đúng về số lượng, màu sắc, chất liệu, kích thước như mẫu đã cung cấp.	1m6		
Vải quần (theo mẫu)	- Vải quần chất liệu vải Cashemer màu xanh đen (theo mẫu) - Chất lượng vải phải đúng về số lượng, màu sắc, chất liệu, kích thước như mẫu đã cung cấp	1m6		

(Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT)

2. Thuế suất GTGT :

3. Địa điểm giao hàng: 356/21 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

4. Thời hạn giao hàng: Tối đa là 14 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

5. Hiệu lực giá: ____ ngày.

PHẦN B: CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN KHÁC:

1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

2. Thời hạn thanh toán: ____ ngày sau ngày hóa đơn và giao hàng đầy đủ.

3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4. Các điều kiện và điều khoản khác: Theo mời thư chào giá và các điều kiện/điều khoản cung cấp hàng hóa đính kèm mời chào giá này.

Ngày ... tháng ... năm 2021
(ký tên, đóng dấu)



Chương V
YÊU CẦU VỀ MẶT CHẤT LIỆU – MÀU SẮC – KÍCH THƯỚC

Yêu cầu bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: CUNG CẤP VẢI ĐỒNG PHỤC

2. Yêu cầu hàng hóa

Yêu cầu chất liệu, màu sắc, kích thước, số lượng phải đảm bảo yêu cầu chung chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu mà nhà thầu đã cung cấp mẫu.

Yêu cầu hàng hóa chung là các yêu cầu về chất liệu, màu sắc, kích thước, số lượng tiêu chuẩn hàng hóa, các yêu cầu về kiểm tra, đóng gói, vận chuyển hàng hóa được sử dụng.

Mô tả	Đặc tính	Khổ vải	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng/mét)	Ghi chú
Vải áo	chất liệu Cotton và Polyeste nền trắng sọc xanh dương nhạt (theo mẫu)	1m6	181		
Vải quần	chất liệu vải Cashemer màu xanh đen (theo mẫu)	1m6	158		